TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN** Bản án số: 27/2022/DS -ST Ngày: 12/9/2022 "V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Khải

Ông Trần Xuân Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên toà: Bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2022/QĐST - DS ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (ACB).

Trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị T - Chuyên viên xử lý nợ 3 Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Hưng Yên.

Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Đăng H - Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Hưng Yên (có mặt).

Địa chỉ: Số 04 Nguyễn Thiện Thuật, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: Ông Vũ Văn V, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị của nguyên đơn thể hiện***: Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Vũ Văn V có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ) ngày 30/10/2018. Căn cứ vào thu nhập của ông V, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Express Credit (thẻ tín dụng nội địa) hạn mức thẻ 100.000.000 đồng, hiệu lực thẻ 24 tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ngày 09 và ngày 22/11/2018 ông V đã thực hiện các giao dịch tại thẻ tín

dụng rút tiền mặt tổng số tiền: 99.500.000đồng. Sau ngày 22/11/2018 ông V không thực hiện thêm giao dịch phát sinh trên thẻ. Tổng số tiền giao dịch, lãi, các khoản phí và phí phát sinh theo hợp đồng của ông V trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 12/10/2021 là: 188.748.944đồng. Cụ thể như sau: Nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt): 99.500.000 đồng. Lãi trong hạn (tạm tính đến ngày 11/10/2021): 62.870.240 đồng. Các loại phí theo Biểu phí, lãi suất thẻ tín dụng nội địa - ACB Express (Phí thường niên 299.000đ/1 năm; phí rút tiền mặt...): 4.857.979 đồng. Lãi quá hạn (tính từ 12/10/2021 đến ngày 12/8/2022) do khách hàng chậm thanh toán): 21.520.725 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông V đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền: 60.318.533đồng (gồm nợ gốc 30.595.925đồng; nợ lãi trong hạn 29.633.988đồng; các loại phí 88.620đồng). Do ông V không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng thuộc trường hợp ngân hàng chấm dứt sử dụng thẻ theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, ngày 06/10/2021 ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với khoản thẻ tín dụng của ông V. Kể từ ngày 12/10/2021 ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) chưa thanh toán của ông V để tính lãi quá hạn theo thỏa thuận giữa ông V và ngân hàng. Đối với số nợ phí và lãi trước ngày 12/10/2021, theo thỏa thuận giữa ông V và ngân hàng tại điểm 5.2 Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nội địa của ngân hàng sẽ chuyển thành nợ gốc không tính lãi quá hạn. Đến nay, ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông V phải thanh toán cho ngân hàng tạm tính đến ngày 12/8/2022 tổng số nợ còn thiếu theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/10/2018 là: 128.430.411đồng; trong đó: nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) tính lãi quá hạn 68.904.075 đồng; nợ lãi trong hạn, phí (nợ gốc không tính lãi quá hạn) 38.094.231 đồng); nợ lãi quá hạn: 21.520.725đồng. Kể từ ngày 13/8/2022 ông V phải tiếp tục thanh toán nợ lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ. Để đảm bảo cho khoản vay này của ông V; ông V và vợ là bà N đã ký hợp đồng thế chấp số HUY.BĐCN.169.121018 ngày 12/10/2018 theo đó vợ chồng ông V thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông V gồm: thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, diện tích 135 m^2 (địa chỉ thửa đất: xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên). Trường hợp ông V không thanh toán được nợ, ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông V để thu hồi nợ.

* Tại biên bản lấy lời khai, ông V trình bày: Ngày 30/10/2018 ông có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần A, thoả thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung và sau đó ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông theo đơn khởi kiện của ngân hàng là đúng. Sau khi được cấp thẻ ông đã thực hiện các giao dịch với thẻ tín dụng và đã thanh toán một phần tiền cho ngân hàng. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên ông vẫn còn nợ ngân hàng một số tiền. Về việc chậm trễ trả tiền cho ngân hàng là lỗi của ông, ông nhất trí về việc ngân hàng chuyển dư nợ của ông sang nợ lãi quá hạn. Đối với số nợ gốc ngân hàng khởi kiện là đúng và ông đề nghị cho ông được trả dần trong ngân hàng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 16/02/2022. Đối với số nợ lãi quá hạn theo đơn khởi

kiện của ngân hàng là đúng nhưng do kinh tế khó khăn nên ông đề nghị ngân hàng miễn toàn bộ lãi quá hạn cho ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc kể từ ngày 20/11/2021 ông phải thanh toán tiếp lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 20/11/2021 cho đến khi ông thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho ngân hàng, ông đề nghị ngân hàng miễn lãi cho ông từ ngày 20/11/2021 vì hiện nay kinh tế của ông rất khó khăn. Việc ngân hàng cho rằng để đảm bảo cho khoản vay này, vợ chồng ông đã ký hợp đồng thế chấp số HUY.BĐCN.169.121018 ngày 12/10/2018 theo đó vợ chồng ông thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của vợ chồng gồm: thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, diện tích 135 m^2 (địa chỉ thửa đất: xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) là không đúng. Ông xác định chữ ký tại hợp đồng thế chấp đúng là chữ ký của ông và bà N tuy nhiên việc ông bà ký hợp đồng thế chấp này là để đảm bảo cho khoản vay phục vụ cho hoạt động kinh doanh của gia đình ông đã được Tòa án giải quyết. Đối với khoản cấp thẻ tín dụng này ông xác định đó là tài khoản thẻ của cá nhân ông, do ông sử dụng không liên quan gì đến bà N nên ông không đồng ý phát mại tài sản thế chấp này trong trường hợp ông không thanh toán được nợ cho ngân hàng. Sau ngày giữa ông và ngân hàng không thoả thuận được về phương án trả nợ và Toà án đưa vụ án ra xét xử, ông đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

* Tại biên bản lấy lời khai, bà N (là vợ của ông V) xác định: Khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông V về việc mở thẻ tín dụng là khoản nợ của cá nhân ông V nên bà không có trách nhiệm phải cùng ông V trả nợ cho ngân hàng. Bà và ông V không ký hợp đồng thế chấp nhà đất thuộc thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, diện tích 135 m^2 (địa chỉ thửa đất: xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) là tài sản chung của vợ chồng ông bà để đảm bảo cho ông V mở thẻ tín dụng với ngân hàng do vậy bà không nhất trí việc ngân hàng phát mại tài sản của vợ chồng bà để thu hồi nợ trong trường hợp ông V không thanh toán được nợ cho ngân hàng. Bà N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Ngày 25/7/2022 Ngân hàng có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện về việc rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông V, bà N tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, diện tích 135 m^2 (địa chỉ thửa đất: xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên). Quá trình giải quyết vụ án, ông V, bà N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án đã triệu tập ông V, bà N đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận chứng cứ công khai chứng cứ và hòa giải; ông V, bà N mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử. Ngày 12/8/2022, Tòa án nhân dân thị xã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa có mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp tục được mở vào ngày 12/9/2022.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Ông Hưng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông V phải thanh toán số nợ còn thiếu cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 12/9/2022 tổng số nợ còn thiếu theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/10/2018 là: 130.713.578đồng. Cụ thể: Nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt tính lãi

quá hạn) là 68.904.075 đồng; Nợ lãi trong hạn, phí (nợ gốc không tính lãi quá hạn) là 38.094.231 đồng; Nợ lãi quá hạn: 23.715.272đồng.

Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng giữ nguyên quan điểm rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông V, bà N tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, diện tích 135 m^2 (địa chỉ thửa đất: xã Hoà Phong, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) trong trường hợp ông V không thanh toán được nợ cho ngân hàng. Kể từ ngày 13/9/2022 ông V tiếp tục phải thanh toán lãi quá hạn cho ngân hàng trên số nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) chưa thanh toán theo lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với số nợ lãi trong hạn, phí ngân hàng của ông V còn thiếu, ngân hàng không yêu cầu ông V phải trả lãi quá hạn.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tốtụng trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án là đúng qui định của pháp luật. Tại phiên toà bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Toà án tống đạt hợp lệ tuy nhiên vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông V phải thanh toán nợ gốc; nợ lãi trong hạn, phí; nợ lãi quá hạn cho ngân hàng tính đến ngày 12/9/2022 là: 130.713.578 đồng. Trong đó: Nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) là 68.904.075 đồng; nợ lãi trong hạn, phí là 38.094.231 đồng; nợ lãi quá hạn: 23.715.272đồng.

Kể từ ngày 13/9/2022 ông V tiếp tục phải thanh toán lãi quá hạn cho ngân hàng trên số nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) chưa thanh toán theo lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng. Đối với yêu cầu của ngân hàng về việc rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông V, bà N tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, diện tích 135 m^2 (địa chỉ thửa đất: xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận. Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông V, bà N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt sẽ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần A có đầy đủ tư cách pháp nhân; đối với bị đơn là ông V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Khi tham gia giao kết hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Các điều khoản thoả thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy:

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/10/2018 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ) giữa Ngân hàng và ông V đều thỏa thuận về số tiền giao dịch mỗi lần của thẻ; quy định về lãi trong hạn, quá hạn trong trường hợp ông V vi phạm; phí trễ hạn, phí thường niên duy trì thẻ, phí rút tiền mặt, thanh lý thẻ trước hạn trong trường hợp ông V vi phạm… Các điều khoản thỏa thuận giữa ngân hàng và ông V tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/10/2018 không vi phạm quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Về số nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt): Số tiền ông V thực hiện giao dịch trên thẻ tín dụng tính đến ngày 22/11/2018 là: 99.500.000đồng; ngân hàng thực hiện việc tính các khoản phí phát sinh, nợ lãi trong hạn và quá hạn theo đúng quy định tại hợp đồng. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định ông V đã thanh toán được: 30.595.925đồng. Tại điểm 8.5 Điều 8 về nguyên tắc thanh toán trong Bản các điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng nội địa của Ngân hàng thương mại cổ phần A kèm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng xác định ngân hàng và ông V đã thỏa thuận về thứ tự thanh toán trong trường hợp ông V thanh toán nợ cho ngân hàng. Căn cứ theo tài liệu sao kê lịch sử trả nợ của ông V do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình, có căn cứ xác định hiện số nợ gốc của ông V còn nợ ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tại các hợp đồng sử dụng thẻ tính đến ngày 12/9/2022 là 68.904.075đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

Đối với số nợ lãi trong hạn, phí 38.094.231 đồng ông V chưa thanh toán cho ngân hàng, ngân hàng xác định là nợ gốc và buộc ông V phải thanh toán cho ngân hàng thì thấy: Điểm 5.2 Điều 5 quy định các khoản ghi nợ và tài khoản thẻ, cách tính lãi tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nội địa của ngân hàng xác định "Tất cả các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ được nhập vào số dư nợ đầu ký tiếp theo. ACB vẫn được quyền ghi nợ Tài khoản thẻ cho dù số dư nợ có vượt quá HMTD hay không". Như vậy theo điều khoản này giữa ngân hàng và ông V không thể hiện xác định số lãi, phí ông V chưa thanh toán được xác định là số nợ gốc; đại diện theo ủy quyền của ngân hàng cũng xác định đó là số tiền phí, lãi trong hạn ông V chưa thanh toán. Ngân hàng yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền lãi trong hạn, phí còn thiếu cho ngân hàng và xác định không tính lãi quá hạn đối với số nợ này. Do vậy phải xác định số nợ này là nợ phí, lãi trong hạn ông V chưa thanh toán là đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ngân hàng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông V phải thanh toán số nợ phí, lãi trong hạn còn thiếu tổng số tiền 38.094.231 đồng; không yêu cầu ông V phải thanh toán lãi quá hạn đối với số nợ này; yêu cầu này của ngân hàng là hợp pháp nên được chấp nhận.

Về nợ lãi quá hạn: Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; tại Điều 13 của Thông tư quy định về lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2

Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, mức lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng là theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng. Như vậy mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần A thỏa thuận với ông V tại hợp đồng sử dụng thẻ là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật. Tổng số nợ lãi quá hạn ông V còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tạm tính đến ngày 12/9/2022 là 23.715.272đồng, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số nợ lãi quá hạn đối với ông V là có căn cứ nên được chấp nhận. Kể từ ngày 13/9/2022 ông V tiếp tục phải thanh toán lãi quá hạn cho ngân hàng trên số nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) chưa thanh toán theo lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông V, bà N tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 19, diện tích 135 m^2 (địa chỉ thửa đất: xã Hoà Phong, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) thì thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng với ông V tại mục xác nhận của tổ chức phát hành thẻ không thể hiện cụ thể hình thức đảm bảo; ông V, bà Nghĩa không thừa nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông bà để đảm bảo cho hợp đồng mở thẻ tín dụng của ông V với ngân hàng. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, việc rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A được chấp nhận nên không phải chịu án phí, ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần A được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 351, 352, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015. Luật ngân hàng nhà nước năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/NQ -UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm thu nộp và quản lý sử dụng án lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc ông Vũ Văn V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, tính đến ngày 12/9/2022, tổng số tiền 130.713.578 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm mười ba nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng); trong đó:

+ Nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) là 68.904.075 đồng (Sáu mươi tám triệu, chín trăm linh bốn nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng);

+ Lãi trong hạn, phí là 38.094.231 đồng (Ba mươi tám triệu, không trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm ba mươi mốt đồng)

+ Nợ lãi quá hạn: 23.715.272đồng (Hai mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng).

Ông Vũ Văn V phải có nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng thương mại cổ phần A trên số nợ gốc (giao dịch rút tiền mặt) chưa thanh toán theo lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ, kể từ ngày 13/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.743.000đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0013064 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Ông Vũ Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.535.700 đồng (Sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng).

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự cóquyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã M;*
- *Phòng KTNV &THS TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Chi cục T.H.A DS thị xã M;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

NGUYỄN THỊ OANH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
NGUYỄN XUÂN KHẢI	TRẦN XUÂN SƠN	NGUYỄN THỊ OANH